TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2026
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Tam
2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai***: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 798/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1999
Địa chỉ: xóm A, thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* Ông Mai Thanh P, sinh năm 1990
Địa chỉ: số H, tổ D, khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Mai Thanh P kết hôn với nhau vào năm 2021 trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn; được UBND phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 27/4/2021.

Quá trình chung sống vợ chồng, đời sống vợ chồng giữa bà D và ông P phát sinh những bất đồng trong quan điểm, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cải vã, to tiếng với nhau. Bà D cảm thấy ngột ngạt, khó chịu khi phải sống như vậy. Một thời gian dài bà D và ông P cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng giữa hai người

bây giờ không còn tình yêu mà chỉ là sự chịu đựng. Bà D và ông P đã nhiều lần quyết định ly hôn nhưng được người thân hai bên khuyên ngăn nên cuộc hôn nhân không hạnh phúc của hai người mới tồn tại đến nay.

Nay bà D nhận thấy không còn tình cảm với ông P, quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bà D và ông P đã sống ly thân. Do vậy bà D yêu cầu Toà án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà D và ông P có 02 con chung là Mai Nhật M – sinh ngày 12/5/2021, Mai Đức L – sinh ngày 13/7/2023. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mai Đức L; còn con chung Mai Nhật M để ông P trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 15/12/2025, bị đơn ông Mai Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và D có đăng ký kết hôn tại UBND phường L vào ngày 27/4/2021.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm, thường xuyển cải vã xích mích. Hiện nay ông P và bà D đã sống ly thân được 08 tháng, bà D bỏ về quê ở Thái Bình. Nay bà D xin ly hôn thì ông P đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông P và bà D có 02 con chung là Mai Nhật M – sinh ngày 12/5/2021, Mai Đức L – sinh ngày 13/7/2023. Ly hôn ông P yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung; không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D và bị đơn ông Mai Thanh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông P.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Mai Thanh P tự nguyện kết hôn, được UBND phường L, thành phố B (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 27/4/2021. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Mai Thanh P là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông P là trầm trọng, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân. Bà D xác định không còn tình cảm với ông P và yêu cầu xin ly hôn với ông P.

Bị đơn ông Mai Thanh P trình bày tình trạng hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị D là có xảy ra mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân được 08 tháng. Ông Mai Thanh P đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Theo lời khai của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Mai Thanh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều có nguyện vọng ly hôn.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc xin ly hôn với ông Mai Thanh P.

[3.2] Về con chung:

Bà D và ông P có 02 con chung là Mai Nhật M – sinh ngày 12/5/2021, Mai Đức L – sinh ngày 13/7/2023. Bà D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Mai Đức L; ông P yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà D, ông P:

Đối với con chung Mai Nhật M – sinh ngày 12/5/2021, cả bà D và ông P đều thống nhất ý kiến ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của hai bên đương sự, giao con chung Mai Nhật M cho ông Mai Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung Mai Đức L – sinh ngày 13/7/2023. Xét thấy cháu Mai Đức L hiện dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao con chung Mai Đức L cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D, ông P không yêu cầu, nên tạm thời ông P, bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Bà D, ông P trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà D, ông P trình bày không có nợ chung; nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 8, 9, 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Mai Thanh P.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Mai Thanh P có 02 con chung là Mai Nhật M – sinh ngày 12/5/2021, Mai Đức L – sinh ngày 13/7/2023;

- Giao con chung Mai Nhật M, sinh ngày 12/5/2021 cho ông Mai Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Nguyễn Thị D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm thời bà Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Giao con chung Mai Đức L, sinh ngày 13/7/2023 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Mai Thanh P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tạm thời ông Mai Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà D đã nộp, theo Biên lai thu số 0007336 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà D phải chịu. Bà D đã nộp xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1-ĐN;
- Phòng THADS KV1-ĐN;
- UBND phường Long Hưng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hạnh **Lưu Kim Sáng** **Phạm Ngọc Quyền**